TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 1395/2024/QĐST-HNGĐ	*Gò Vấp, ngày 22 tháng 10 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ các điều 397, 212 và Điều 213 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các điều 55, 57, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 1153/2024/TLHNGĐ – ST ngày 01/10/2024 về yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con, thỏa thuận về tài sản khi ly hôn gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:
- Bà Nguyễn Thị S, sinh năm 1980
- Ông Phan Thanh L, sinh năm 1983

Cùng địa chỉ: TP Bảo Lộc, Lâm Đồng

Cùng tạm trú: quận Gò Vấp, TPHCM

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị S và ông Phan Thanh L là hôn nhân tự nguyện và hợp pháp được pháp luật công nhận theo Giấy chứng nhận kết hôn số 118/2011, quyển số 01/2010 do Ủy ban nhân dân phường Lộc Sơn, thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng cấp ngày 22/8/2011.

[2] Theo đơn yêu cầu ghi ngày 20/8/2024 và Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 14/10/2024, bà Nguyễn Thị S và ông Phan Thanh L yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn. Cả hai chung sống có ba con chung, các đương sự yêu cầu Tòa án công nhận bà Nguyễn Thị S là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng hai con tên là Phan Quỳnh N và Phan Thảo N, cùng song sinh ngày 14/10/2014 cho đến khi trưởng thành; Ông Phan Thanh L là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng một con tên là Phan Quỳnh A, sinh ngày 27/12/2011 cho đến khi con trưởng thành. Không bên nào cấp dưỡng nuôi con cho bên nào. Không có tài sản chung, nợ chung.

[3] Tòa án đã hòa giải đoàn tụ nhưng không thành. Xét thấy, bà Nguyễn Thị S và ông Phan Thanh L thật sự tự nguyện ly hôn, thống nhất cách giải quyết về con chung, về cấp dưỡng nuôi con và tài sản chung.

Đã hết thời hạn bảy (07) ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị S và ông Phan Thanh L thuận tình ly hôn. Giấy chứng nhận kết hôn số 118/2011, quyển số 01/2010 do Ủy ban nhân dân phường Lộc Sơn, thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng cấp ngày 22/8/2011 không còn hiệu lực.

- Về con chung: Có ba con chung.

+ Bà Nguyễn Thị S là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng hai con tên là Phan Quỳnh N và Phan Thảo N, cùng song sinh ngày 14/10/2014 cho đến khi trưởng thành.

+ Ông Phan Thanh L là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng một con tên là Phan Quỳnh A, sinh ngày 27/12/2011 cho đến khi con trưởng thành.

Bà Nguyễn Thị S và ông Phan Thanh L có quyền, nghĩa vụ thăm nom mà không ai được cản trở, tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi.

Trên cơ sở lợi ích của con, cha, mẹ, người thân thích; cơ quan quản lý nhà nước về gia đình, cơ quan quản lý nhà nước về trẻ em, hội liên hiệp phụ nữ có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Không bên nào cấp dưỡng nuôi con cho bên nào. Khi cần thiết, các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi về cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Cả hai đương sự xác định không có tài sản chung.

- Về lệ phí: Lệ phí việc dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng. Cấn trừ vào tiền tạm ứng lệ phí bà Nguyễn Thị S và ông Phan Thanh L đã nộp theo biên lai thu số 0014501, ký hiệu BLTU/23P ngày 26/09/2024 của Chi cục thi hành án dân sự quận Gò Vấp, thành phố Hồ Chí Minh; Các đương sự đã nộp đủ lệ phí.

2. Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND QGV;
- Nơi cấp GCNKH;
- CCTHADS QGV;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Nguyễn Lê Tứ Nhị